

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu
mua các loại vaccine phục vụ công tác tiêm phòng, phòng chống
dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2019 (đợt 2)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2019;

Theo Văn bản số 6801/UBND-KT ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc bố trí vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2019 để thực hiện các chương trình, dự án, đề án thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 676/STC-TCHCSN ngày 25/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua các loại vaccine phục vụ công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2019 (đợt 2), với những nội dung chủ yếu sau:

1. Dự toán và nguồn kinh phí:

a) Dự toán kinh phí: 14.060.957.400 đồng (Mười bốn tỷ, không trăm sáu mươi triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng) – Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

b) Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố: 7.970.583.600 đồng; trong đó:
+ Kinh phí đối ứng của 08 huyện, thị xã, thành phố (trừ 03 huyện miền núi) là: 5.712.525.000 đồng (Theo Văn bản số 6801/UBND-KT ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Bình Định).

+ Kinh phí Chương trình 30a (03 huyện miền núi): 2.258.058.600 đồng (Tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh – *Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững*).

- Ngân sách tỉnh: 6.090.373.800 đồng (Đã giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4319/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh), trong đó:

+ Giao đầu năm 2019: 8.000.000.000 đồng.

+ Sử dụng đợt 1/2019 (theo Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 07/3/2019 của UBND tỉnh): 1.958.000.000 đồng.

+ Còn lại bổ sung: 48.373.800 đồng (8.000.000.000 đồng – 1.958.000.000 đồng – 6.090.373.800 đồng). Sử dụng từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế chưa phân bổ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2019 để bổ sung cho Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu

a) Khái quát về dự án

- Tên gói thầu: Mua các loại vaccine lở mồm long móng trâu, bò, lợn (Aftopor - type O), vaccine cúm gia cầm (chủng Nibrg-14) phục vụ công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2019 (đợt 2).

- Tổng dự toán được duyệt: **14.060.957.400 đồng.**

- Số lượng:

+ Vaccine lở mồm long móng trâu, bò (Aftopor - type O): 555.000 liều.

+ Vaccine lở mồm long móng lợn (Aftopor -type O): 104.000 liều.

+ Vaccine cúm gia cầm (chủng Nibrg-14): 4.248.300 liều.

- Bên mời thầu: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.

- Đơn vị thực hiện: Chi cục Chăn nuôi và Thú y Bình Định.

- Nguồn vốn:

+ Ngân sách các huyện, thị xã, thành phố: 7.970.583.600 đồng; trong đó:

Kinh phí đối ứng của 08 huyện, thị xã, thành phố (trừ 03 huyện miền núi) là: 5.712.525.000 đồng (Theo Công văn số 6801/UBND-KT ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Bình Định).

Kinh phí Chương trình 30a (03 huyện miền núi): 2.258.058.600 đồng (Tại Quyết định số 288/QĐ-UBND ngày 25/01/2019 của UBND tỉnh – *Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững*).

+ Ngân sách tỉnh: 6.090.373.800 đồng.

- Thời gian thực hiện: Năm 2019.

- Địa điểm thực hiện: Trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: Không.

c) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: không.

d) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 14.060.957.400 đồng, cụ thể:

T T	Tên gói thầu	Giá gói thầu (1.000 đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Gói thầu số 2: Mua vaccine lở mồm long móng trâu, bò, lợn (Aftopor - type O): 659.000 liều - Phục vụ công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2019	12.455.100	- Vốn đối ứng của các 08 huyện, thị xã, thành phố; - Vốn Ngân sách tỉnh; Nguồn kinh phí Chương trình 30a (03 huyện miền núi)	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn hai túi hồ sơ	Tháng 3 năm 2019	- Hợp đồng theo đơn giá cố định đối với phần vốn đối ứng của 08 huyện, thị xã, thành phố và nguồn kinh phí Chương trình 30a (03 huyện miền núi) - Hợp đồng trọn gói đối với phần vốn Ngân sách tỉnh.	05 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng

2	Gói thầu số 3: Mua vaccine cúm gia cầm (chủng Nibrg-14): 4.248.300 liều - Phục vụ công tác tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh năm 2019	1.605.857,4	- Vốn Ngân sách tỉnh; Nguồn kinh phí Chương trình 30a (03 huyện miền núi)	Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Tháng 3 năm 2019	Hợp đồng trọn gói	05 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng
Tổng cộng giá các gói thầu: 14.060.957.400 đồng.								

đ) Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Không.

e) Tổng giá trị các phần công việc: 14.060.957.400 đồng.

g) Tổng mức đầu tư của dự án: 14.060.957.400 đồng.

Điều 2.

- Giao Sở Nông nghiệp và PTNT chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định về đấu thầu hiện hành.

- Giao Sở Tài chính tham gia giám sát, theo dõi việc thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu nêu trên để bảo đảm tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. *Ue*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- PVP KT;
- Lưu: VT, K10. *luh*



Trần Châu

TỔNG HỢP KINH PHÍ CHẾ KẾ HOẠCH TIÊM PHÒNG VẮC XIN ĐỘNG VẬT NĂM 2019
(Kèm theo Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 28/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Vaccine	Nguồn	Q.Nhơn	T.Phước	Y.Nhơn	P.Cà	P.Mỹ	H.Nhơn	H.Ấn	T.Sơn	A.Lão	V.Canh	V.Thạnh	Tổng	Ghi chú
LMLM Trâu bò type O (Aftopor)	1. N.Cầu Vaccine TP đợt 1 (liều)	5.500	16.000	24.000	51.500	52.000	26.500	19.500	39.000	11.500	16.500	15.500	277.500	Vac xin dùng cho trâu, bò: LMLM typ O Aftopor: đơn giá 18.900đ/liều
	2. N.Cầu Vaccine TP đợt 2 (liều)	5.500	16.000	24.000	51.500	52.000	26.500	19.500	39.000	11.500	16.500	15.500	277.500	
	3. Nhu cầu cả năm (liều): 1+2	11.000	32.000	48.000	103.000	104.000	53.000	39.000	78.000	23.000	33.000	31.000	555.000	
	4. Vaccine cần mua cả năm	11.000	32.000	48.000	103.000	104.000	53.000	39.000	78.000	23.000	33.000	31.000	555.000	
	4.1 Vaccine cần mua cả năm của các huyện, TX, TP (3* tỷ lệ % đối ứng)	11.000	16.000	24.000	51.500	52.000	26.500	9.750	39.000	23.000	33.000	31.000	316.750	
	4.2 Vaccine cả năm của tỉnh (=3-4.1)	0	16.000	24.000	51.500	52.000	26.500	29.250	39.000	0	0	0	238.250	
	5. Thành tiền (đồng)	207.900.000	604.800.000	907.200.000	1.946.700.000	1.965.600.000	1.001.700.000	737.100.000	1.474.200.000	434.700.000	623.700.000	585.900.000	10.489.500.000	
	5.1. Ngân sách 08 huyện, TX, TP	207.900.000	302.400.000	453.600.000	973.350.000	982.800.000	500.850.000	184.275.000	737.100.000				4.342.275.000	
LMLM lợn type O (Aftopor)	5.2. Ngân sách 3 huyện miền núi (Chương trình 30a)									434.700.000	623.700.000	585.900.000	1.644.300.000	Vac xin dùng cho lợn: LMLM type O Aftopor: Đơn giá: 18.900 đ/liều. Riêng mua 110.000 liều theo Quyết định số 717/QĐ-UBND là: 17.800đ/liều.
	5.3. Ngân sách tỉnh	0	302.400.000	453.600.000	973.350.000	982.800.000	500.850.000	552.825.000	737.100.000	0	0	0	4.502.925.000	
	1. Vaccine phục vụ chống dịch trong dịp tết nguyên đán Kỷ Hợi							100.000					100.000	
	2. N.Cầu Vaccine TP đợt 1 (liều)	1.500	10.000	10.000	7.000	3.500	11.000	45.000	5.500	4.000	3.500	6.000	107.000	
	3. N.Cầu Vaccine TP đợt 2 (liều)	1.500	10.000	10.000	7.000	3.500	11.000	45.000	5.500	4.000	3.500	6.000	107.000	
	4. Nhu cầu cả năm (liều): 1+2+3	3.000	20.000	20.000	14.000	7.000	22.000	190.000	11.000	8.000	7.000	12.000	314.000	
	Trong đó, theo tỷ lệ % tỉnh/huyện như sau:	0/100	50/50	50/50	50/50	50/50	50/50	75/25	50/50	30a	30a	30a		
	4.1. Cấp tỉnh (liều):	0	10.000	10.000	7.000	3.500	11.000	167.500	5.500				214.500	
	4.1.1. Phân bổ theo QĐ 717:	0	5.000	4.400	2.200	1.000	1.500	93.400	2.500				110.000	
	4.1.2. Phân bổ từ nguồn TW hỗ trợ tỉnh:	0	5.000	4.600	4.800	2.500	9.500	70.600	3.000				100.000	
	4.1.3. Số lượng vaccine tỉnh cần mua đợt này (4.1-4.1.1-4.1.2):	0	0	1.000	0	0	0	3.500	0				4.500	
	4.1.4. Thành tiền:	0	89.000.000	97.220.000	39.160.000	17.800.000	26.700.000	1.728.670.000	44.500.000	0	0	0	2.043.050.000	
	- Trừ đợt 1 đã cấp theo QĐ 717:	0	89.000.000	78.320.000	39.160.000	17.800.000	26.700.000	1.662.520.000	44.500.000	0	0	0	1.958.000.000	
	- Còn lại cần mua đợt này:	0	0	18.900.000	0	0	0	66.150.000	0	0	0	0	85.050.000	
	4.2. Cấp huyện:	3.000	10.000	10.000	7.000	3.500	11.000	22.500	5.500	8.000	7.000	12.000	99.500	
Vaccine Cúm gia cầm	4.2.1. Thành tiền (đồng):	56.700.000	189.000.000	189.000.000	132.300.000	66.150.000	207.900.000	425.250.000	103.950.000	151.200.000	132.300.000	226.800.000	1.880.550.000	
	- Nguồn NS cấp huyện đối ứng:	56.700.000	189.000.000	189.000.000	132.300.000	66.150.000	207.900.000	425.250.000	103.950.000				1.370.250.000	
	- Nguồn 30a đã phân bổ cho huyện:									151.200.000	132.300.000	226.800.000	510.300.000	
	1. N.Cầu Vaccine TP đợt 1 (liều)	119.500	1.175.400	615.000	574.000	408.000	246.000	229.000	329.900	67.000	52.350	17.500	3.833.650	Đơn giá 378đ/liều
	2. N.Cầu Vaccine TP đợt 2 (liều)	119.500	1.175.400	615.000	574.000	408.000	246.000	229.000	329.900	67.000	52.350	17.500	3.833.650	
	3. Nhu cầu cả năm (liều): 1+2	239.000	2.350.800	1.230.000	1.148.000	816.000	492.000	458.000	659.800	134.000	104.700	35.000	7.667.300	
	4. Vaccine tồn 2018:	104.040	920.835	484.650	562.500	368.775	330.525	321.975	325.700				3.419.000	
	5. Vaccine cần mua (3-4):	134.960	1.429.965	745.350	585.500	447.225	161.475	136.025	334.100	134.000	104.700	35.000	4.248.300	
	6. Thành tiền (đồng):	51.014.880	540.526.770	281.742.300	221.319.000	169.051.050	61.037.550	51.417.450	126.289.800	50.652.000	39.576.600	13.230.000	1.605.857.400	
Vaccine Cúm gia cầm	6.1 Ngân sách tỉnh	51.014.880	540.526.770	281.742.300	221.319.000	169.051.050	61.037.550	51.417.450	126.289.800				1.502.398.800	
	6.2 Ngân sách huyện (CT30a)									50.652.000	39.576.600	13.230.000	103.458.600	

Vaccine	Nguồn	Q.Nhon	T.Phước	A.Nhon	P.Cát	P.Mỹ	H.Nhon	H.Ấn	T.Son	A.Lão	V.Canh	V.Thạnh	Tổng	Ghi chú
Tổng dự toán kinh phí đề nghị phê duyệt lần này	Tổng cộng (đồng):	315.614.880	1.334.326.770	1.396.842.300	2.300.319.000	2.200.801.050	1.270.637.550	1.279.917.450	1.704.439.800	636.552.000	795.576.600	825.930.000	14.060.957.400	
	Trong đó:													
	- Ngân sách 08 huyện, TX, TP:	264.600.000	491.400.000	642.600.000	1.105.650.000	1.048.950.000	708.750.000	609.525.000	841.050.000	0	0	0	5.712.525.000	
	- Ngân sách 3 huyện miền núi (Chương trình 30a):	0	0	0	0	0	0	0	0	636.552.000	795.576.600	825.930.000	2.258.058.600	
	- Ngân sách tỉnh:	51.014.880	842.926.770	754.242.300	1.194.669.000	1.151.851.050	561.887.550	670.392.450	863.389.800	0	0	0	6.090.373.800	

*** Thuyết minh:**

1/- Vaccine nguồn TW hỗ trợ bằng hiện vật (Quyết định số 218/QĐ-BNN-TY ngày 15/01/2019): LMLM type O: 100.000 liều.

2/- Tỷ lệ đối ứng mua vaccine : NS Quy Nhơn : 100%; Hoài Ân : tỉnh 75%, huyện : 25%; các huyện còn lại : tỉnh 50%, huyện 50%; 03 huyện miền núi sử dụng CT 30a.

3/- Vaccine cúm gia cầm : NS tỉnh hỗ trợ 100%; 03 huyện miền núi sử dụng CT 30a.

4/- Nguồn kinh phí thực hiện:

- Ngân sách huyện, TX, TP đối ứng (trừ 03 huyện miền núi)	5.712.525.000
- Ngân sách 03 huyện miền núi (nguồn 30a):	2.258.058.600
- Ngân sách tỉnh:	6.090.373.800

Trong đó:

+ Sử dụng dự toán giao đầu năm:	6.042.000.000
+ Bổ sung:	48.373.800

BẢNG TÍNH NHU CẦU VACCINE NĂM 2019
(Phụ lục đính kèm theo Quyết định số: **1007** /QĐ-UBND ngày **18/3/2019** của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Đơn vị	LMLM trâu bò (liều)		LMLM heo (liều)		Cúm gia cầm (Liều)		Ghi chú
		Kết quả thực hiện năm 2018 (tỷ lệ tiêm phòng đạt 80%)	Nhu cầu năm 2019 (tỷ lệ tiêm phòng đạt 85%, có dự phòng thêm 1%)	Kết quả thực hiện năm 2018 (tỷ lệ tiêm phòng đạt bình quân 45%)	Nhu cầu năm 2019 (Tỷ lệ tiêm phòng đạt 85%, có dự phòng thêm 1%)	Kết quả thực hiện năm 2018	Nhu cầu năm 2019 (bảng số thực hiện năm 2018)	
(a)	(b)	(1)	(2)=(1)x85/80x1,01	(3)	(4)=(3)x85/45x1,01	(5)	(6)=(5)x1	(c)
1	Quy Nhơn	10.445	11.000	1.605	3.000	239.000	239.000	
2	Tuy Phước	30.200	32.000	10.650	20.000	2.350.800	2.350.800	
3	An Nhơn	44.750	48.000	10.700	20.000	1.230.000	1.230.000	
4	Phù Cát	96.416	103.000	7.209	14.000	1.148.000	1.148.000	
5	Phù Mỹ	97.175	104.000	3.525	7.000	816.000	816.000	
6	Hoài Nhơn	49.550	53.000	11.450	22.000	492.000	492.000	
7	Hoài Ân	36.675	39.000	47.050	190.000	458.000	458.000	Có bao gồm Phát sinh ngoài dự kiến 100.000 liều để tiêm phòng chống dịch khản cấp cuối năm 2018 đối với heo tại huyện Hoài Ân
8	Tây Sơn	72.250	78.000	5.800	11.000	659.800	659.800	
9	An Lão	21.350	23.000	4.250	8.000	134.000	134.000	
10	Vĩnh Thạnh	31.000	33.000	3.460	7.000	35.000	35.000	
11	Vân Canh	29.300	31.000	6.500	12.000	104.700	104.700	
	Tổng cộng	519.111	555.000	112.199	314.000	7.667.300	7.667.300	

Ghi chú:

- Số liệu trên là căn cứ số báo cáo kết quả thực hiện tiêm phòng năm 2018 do Chi cục Chăn nuôi và Thú y cung cấp tại Văn bản số 108/BC-CCTY ngày 21/3/2019.

- Đối với Vaccine cúm gia cầm: Năm 2018, căn cứ kết quả tiêm phòng năm 2017 để tính nhu cầu cần mua vaccine năm 2018 và trình UBND tỉnh phê duyệt mua 9.687.225 liều; theo báo cáo số lượng vaccine năm 2018 còn thừa chuyển sang năm 2019 là 3.419.000 liều (CV 471/SNN-KH ngày 14/3/2019 của Sở NN&PTNT), tương ứng còn thừa sắp xỉ 35%. Trên cơ sở điều kiện ngân sách tỉnh năm 2019, Sở Tài chính tính toán số lượng nhu cầu vaccine cần mua năm 2019 lấy bằng số thực hiện năm 2018 (không dự phòng). Trường hợp trong quá trình thực hiện tiêm phòng trong năm có thiếu thì Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, gửi Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét, bổ sung kinh phí mua vaccine theo quy định.

- Số liệu tính có làm tròn số.